

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên
2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 849/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 923/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M; địa chỉ: Tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Phạm Vinh Q; địa chỉ: Tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 12-8-2019, các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, chị kết hôn với anh Phạm Vinh Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng vào

ngày 23 tháng 6 năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, sau khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đôi bên không hợp nhau về tính cách, tâm lý và bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong đời sống tình cảm. Hai bên gia đình và bạn bè đã động viên khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nguyễn Thị M xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Vinh Q. Về con chung: Anh chị có một con chung tên là Phạm Quang P, sinh ngày 18-01-2016. Chị M đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Phạm Vinh Q:

Tại bản tự khai ngày 11-9-2019, anh Phạm Vinh Q trình bày thống nhất với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M về thời điểm, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng. Anh thừa nhận trong lúc vợ chồng xô sát, do nóng giận thiếu kiềm chế nên anh có chửi bới, xúc phạm chị M. Tuy nhiên do con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án động viên, thuyết phục chị M để anh chị có cơ hội đoàn tụ. Về con chung: Anh chị có một con chung tên là Phạm Quang P, sinh ngày 18-01-2016; nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Vinh Q; tuy nhiên, ngoài buổi làm việc ngày 11-9-2019 anh Q đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M có nội dung chị M yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Vinh Q và đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Quang P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị M không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Q và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể

từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Vinh Q; về con chung đề nghị giao con chung Phạm Quang P, sinh ngày 18-01-2016 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị M và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh Phạm Vinh Q và đề nghị giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Vinh Q là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại số 835 Tr, tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Vinh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Phạm Vinh Q.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Phạm Vinh Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 23-6-2015. Sau khi kết hôn anh

chị chung sống với nhau tại tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, nghi ngờ lẫn nhau trong đời sống tình cảm, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra xô sát. Vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Q đã rất căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin lý hôn của chị Nguyễn Thị M với anh Phạm Vinh Q là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị M và anh Q có một con chung là Phạm Quang P, sinh ngày 18-01-2016 chị M có quan điểm được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét chị M có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chu đáo. Bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của chị M) cũng cam kết hỗ trợ, giúp đỡ về mọi mặt để tạo điều kiện cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét quan điểm của chị M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Vinh Q đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Vinh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Vinh Q.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung Phạm Quang P, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn. Sơ thẩm chị M đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007336 ngày 14-8-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng nên không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Vinh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường Đ;
- Đường sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh

